

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THOẠI SƠN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **27/2020/HNGĐ-ST**

Ngày 19/6/2020

Về việc: “*Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Đức.

2. Bà Lê Thị Thường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thanh Thúy – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Sơn, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 21/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2020 về việc “*ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2020/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** **Anh Đ.T.S**, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Tổ x, ấp TT, xã TH A, huyện TH, tỉnh Kiên Giang. (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

*** Bị đơn:** **Chị L.H.H**, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Ấp PH, xã TP, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 24/12/2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Đ.T.S trình bày như sau:** Anh và chị L.H.H kết hôn với nhau vào năm 2014, hôn nhân do mai mối, tìm hiểu được khoảng nửa tháng thì cả hai tự nguyện đi đến tổ chức lễ cưới. Anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Hiệp A, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang ngày 19/9/2018.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu thì

bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau, cuộc sống không hạnh phúc. Trong quá trình chung sống mỗi lần vợ chồng cự cãi với nhau thì chị H thường bỏ nhà đi, sau đó anh năn nỉ, chị lại trở về chung sống lại nhưng sự việc cứ lập đi lập lại nhiều lần. Hai vợ chồng đã ly thân từ cuối năm 2016 tới nay. Nhận thấy, hiện nay thời gian ly thân đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu ly hôn với chị H.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng anh chị có 01 con chung tên Đ.T.G, sinh ngày 03/12/2015, hiện nay đang sống với anh. Từ khi ly thân tới nay, chị H không tới lui thăm con hay gọi điện hỏi thăm con. Nếu ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh xác định giữa anh và chị H không nợ chung.

Do bận công việc nên anh Đ.T.S không thể đến Tòa án tham gia phiên tòa được. Vì vậy, anh S có đơn xin vắng mặt tại Tòa và yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hai lần triệu tập hợp lệ chị H đến để tiến hành hòa giải nhưng chị H vắng mặt và không có trình bày ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử, công bố biên bản xác minh tình trạng cư trú của chị H tại Công an xã Tây Phú, huyện Thoại Sơn; Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân và con chung giữa anh S và chị H tại Ban ấp Tân Thạnh, xã Tân Hiệp A, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang và tại nhà của anh S số 49, Tổ x, ấp TT, xã TH A, huyện TH, tỉnh Kiên Giang. Qua xác minh thể hiện anh S và chị H kết hôn với nhau vào năm 2014 và có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn, anh S và chị H chung sống với nhau bên gia đình chồng tại số 49, tổ 7, ấp Tân Thạnh, xã Tân Hiệp A, tỉnh Kiên Giang. Nhưng do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên anh S và chị H thường xuyên cự cãi với nhau, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc và vợ chồng ly thân từ tháng 5/2016 tới nay. Anh chị có 01 con chung tên Đ.T.G, sinh ngày 03/12/2015 hiện nay đang sống với anh S và được anh S chăm sóc, nuôi dưỡng tốt, phát triển bình thường.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, anh S và chị H chung sống có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa anh S và chị H hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Xét thấy, từ khi anh S gửi đơn khởi kiện, chị H không có ý kiến phản hồi. Đồng thời, anh S xác định không còn tình cảm với chị H. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh S đối với chị H theo Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Về con chung, đề nghị chấp nhận yêu cầu của anh S, giao cháu Đ.T.G, sinh ngày 03/12/2015 cho anh S tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung, đề nghị không đề cập giải quyết. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Anh Đ.T.S (là nguyên đơn trong vụ án) có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Đ.T.S theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự

Chị L.H.H (là bị đơn trong vụ án) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên Tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Qua mai mối, tìm hiểu, anh S và chị H kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Hiệp A, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang ngày 19/9/2018 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp theo quy định tại điều 8 và điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Nay vợ chồng anh S và chị H phát sinh mâu thuẫn, anh S xin ly hôn nên Tòa án thụ lý, giải quyết là phù hợp với các quy định của pháp luật.

Sau khi kết hôn vợ chồng anh, chị chung sống hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau, cuộc sống không hạnh phúc. Vợ chồng anh chị sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nhận thấy, hiện nay tình cảm không còn nên anh S yêu cầu được ly hôn với chị H.

Xét thấy, hôn nhân giữa anh S và chị H thực tế đã không còn tồn tại, mâu thuẫn phát sinh ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của anh S được ly hôn với chị H.

[2.2] Về con chung:

Anh S xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng anh chị có 01 con chung tên Đ.T.G, sinh ngày 03/12/2015, hiện nay đang sinh sống với anh. Nếu ly hôn, anh yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu Giàu hiện nay đang sống với anh S và thời gian ly thân, cháu Giàu được anh S chăm sóc, nuôi dưỡng tốt, phát triển bình thường. Do đó, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu Giàu, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho cháu Giàu, giúp cháu phát triển tốt về thể chất, tinh thần, Hội đồng xét xử giao cháu Giàu cho anh S được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con, tuy nhiên anh S không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Anh S phải tạo điều kiện cho chị H được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Anh S không tranh chấp tài sản chung và nợ chung nên HĐXX không xem xét. Nếu sau này giữa anh S và chị H có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ được Tòa án thụ lý, giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Anh S phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí anh S đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đ.T.S.

* Về hôn nhân: Anh Đ.T.S được ly hôn với chị L.H.H. Giấy chứng nhận kết hôn số 17 ngày 25/02/2014 do Ủy ban nhân dân xã Tân Hiệp A, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang cấp cho anh Đ.T.S và chị L.H.H không còn giá trị pháp lý.

* Về con chung: Giao cháu Đ.T.G, sinh ngày 03/12/2015 cho anh Đ.T.S được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh S không có yêu cầu.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

* Về tài sản chung và nợ chung: Anh S không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

* Về án phí sơ thẩm: Anh Đ.T.S phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000745 ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Chị L.H.H không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Anh S và chị H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang.
- VKSND h.Thoại Sơn.
- Chi cục THADS h.Thoại Sơn.
- UBND xã TH A, huyện TH, tỉnh Kiên Giang.
- Các đương sự (Để thi hành).
- Lưu văn phòng.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mai Thị Vân

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang.
- VKSND h.Thoại Sơn.
- Chi cục THADS h.Thoại Sơn.
- UBND xã Tân Hiệp A, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.
- Các đương sự (Đề thi hành).
- Lưu văn phòng.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa